

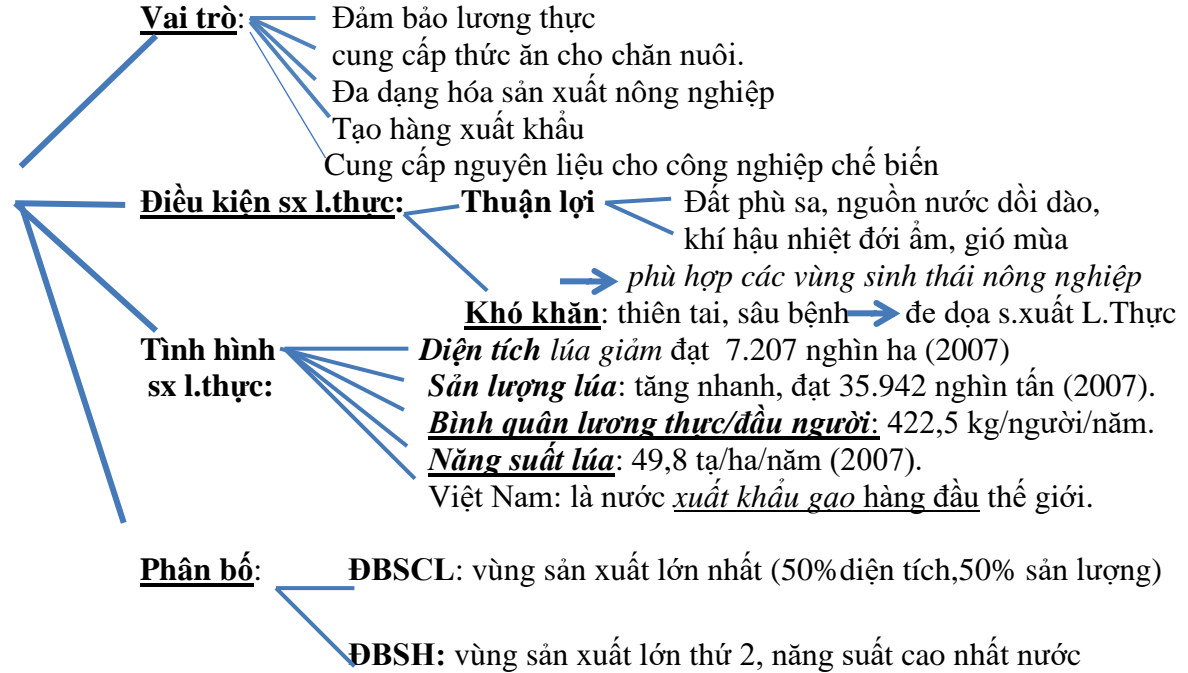
TUẦN 28/2 -4/3:

CHỦ ĐỀ NÔNG NGHIỆP:

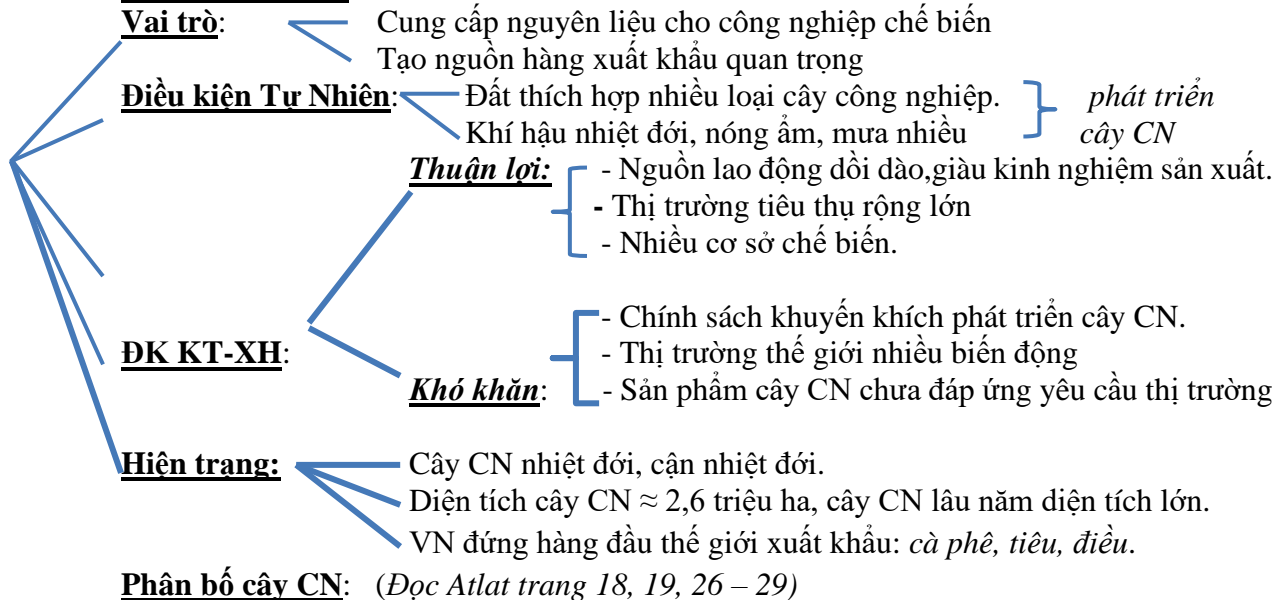
**NỘI DUNG 2: BÀI 22: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

1. **Ngành trồng trọt:** chiếm gần 75% giá trị nông nghiệp

a. **Cây lương thực:**



b. **Cây công nghiệp**



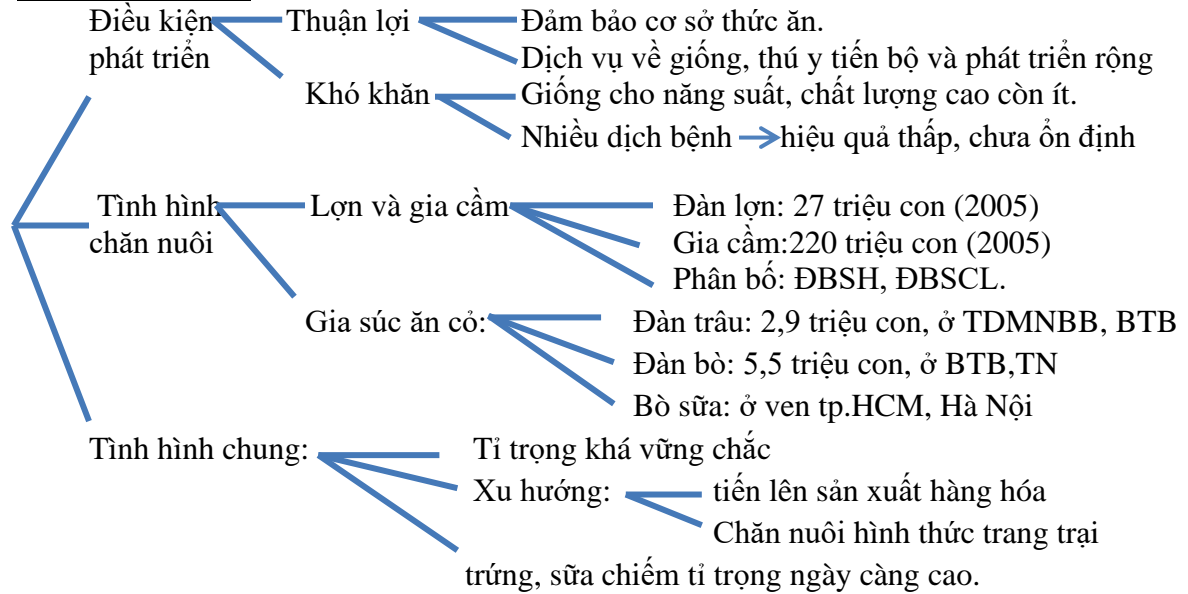
- |                  |                |                   |                 |
|------------------|----------------|-------------------|-----------------|
| + Cây CN lâu năm | Cà phê: .....  | + Cây CN hàng năm | Mía: .....      |
|                  | Chè: .....     |                   | Lạc: .....      |
|                  | Điều: .....    |                   | Thuốc lá: ..... |
|                  | Hồ tiêu: ..... |                   | Bông: .....     |
|                  | Dừa: .....     |                   | Đỗ tương: ..... |
|                  | Cao su: .....  |                   | Cói: .....      |
|                  |                |                   | Đay: .....      |
|                  |                |                   | Dâu tằm: .....  |

**c. cây ăn quả: (Đọc Atlas trang 18, 26-29)**

-Vùng:.....

- Vùng:.....

**2. Ngành chăn nuôi:**



**NỘI DUNG 3**  
**BÀI 24: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP**

1. **Ngành thủy sản: a. Điều kiện phát triển**

• **Điều kiện tự nhiên**

**Thuận lợi**

**Đánh bắt**

Bờ biển: dài, vùng biển rộng  
hải sản phong phú: 2000 loài cá,...  
4 ngư trường trọng điểm:  
*HPhông-Q.Ninh, N.Thuận-B.Thuận-  
BR-VT, Cà Mau-KGiang, Hoàng Sa-  
Trường Sa.*

**Nuôi trồng**

Có bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn  
=> *phát triển nuôi cá nước mặn*  
Nhiều ao hồ sông, rạch,...  
=> *phát triển nuôi cá nước ngọt.*

**Khó khăn**

thiên tai: bão  
ven biển: bị ô nhiễm=> nguồn lợi thủy hải sản giảm

• **Điều kiện kinh tế xã hội**

**Thuận lợi**

Dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt, nuôi trồng thủy sản  
Tàu thuyền ngư cụ ngày càng tốt hơn  
Thị trường tiêu thụ rộng  
Chính sách khuyến ngư của nhà nước

**Khó khăn**

Phương tiện đánh bắt chậm đổi mới  
Hệ thống cảng cá chưa đáp ứng nhu cầu  
Công nghệ chế biến hạn chế.

**b. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản**

Tình hình chung

Ngành thủy sản phát triển mạnh  
Sản lượng thủy sản: 4,1978 triệu tấn (2007)  
Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng ngày càng cao

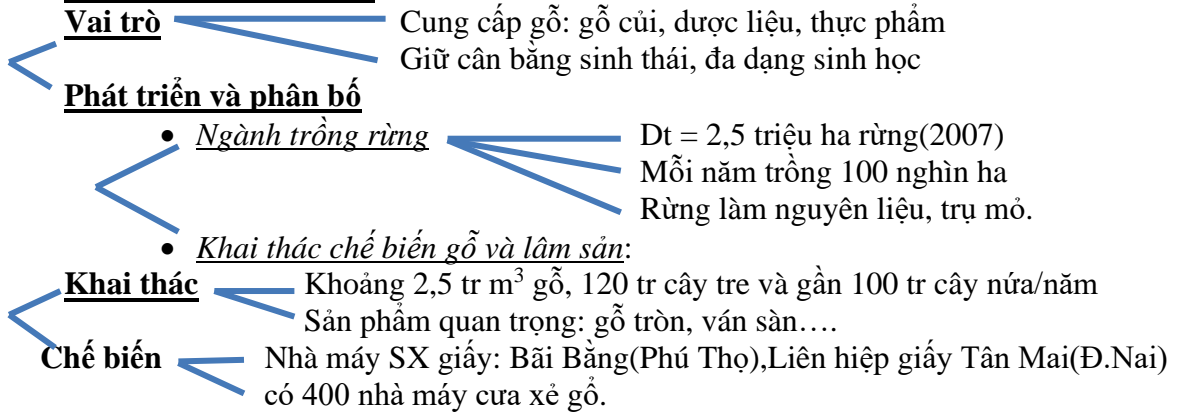
Thủy sản khai thác

Sản lượng tăng liên tục, đạt 2074,5 nghìn tấn (2007)  
Phân bố các tỉnh thuộc ĐHNTB, Nam Bộ, K.Giang, BR-VT

Thủy sản nuôi trồng

Tăng liên tục do: cải tiến kỹ thuật  
thức ăn phong phú  
Thị trường rộng lớn  
Làm nguyên liệu cho CN chế biến  
tôm: ĐBSCL(Cà Mau, K.Giang, B.Liêu, S.Trăng,)  
cá nước ngọt: ở ĐBSCL(cá tra,basa-AnGiang), ĐBSH.

## 2. Phát triển Lâm nghiệp



## **BÀI 25: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP**

### **HỌC SINH TỰ HỌC**

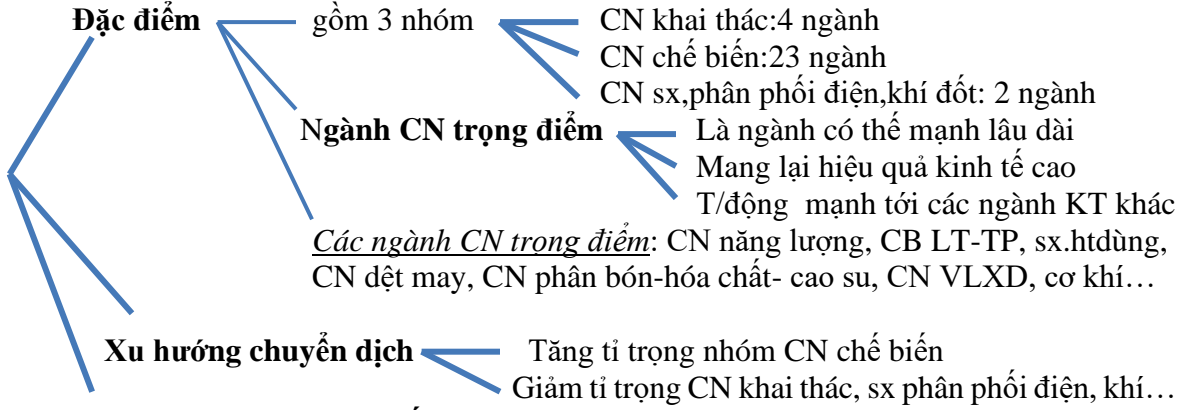
(ĐỌC TẬP BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ 12- TRANG 14)

ĐỌC ATLAT ĐỊA LÝ VIỆT NAM TRANG 18

## CHỦ ĐỀ: CÔNG NGHIỆP

### NỘI DUNG 1: BÀI 26: CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP (CN)

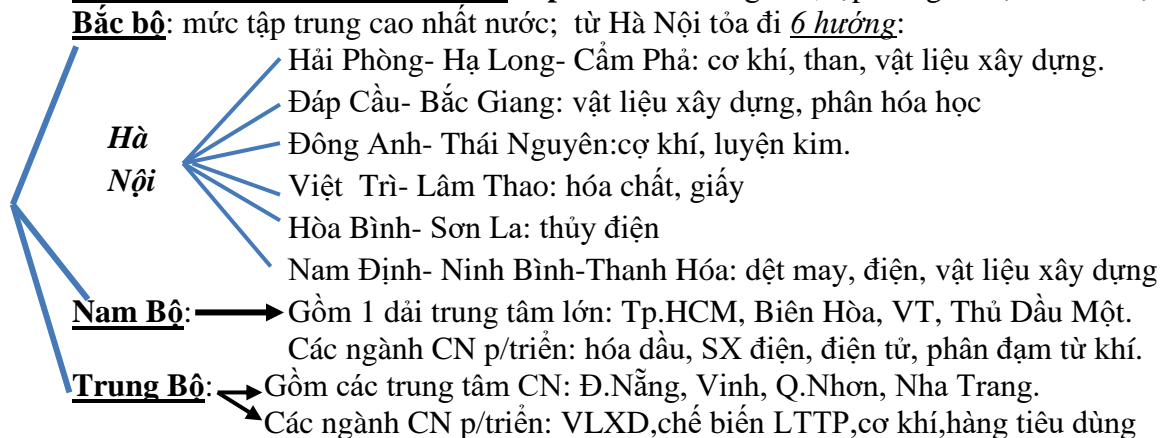
#### 1. Cơ cấu ngành công nghiệp: đa dạng



#### **Hướng hoàn thiện cơ cấu ngành CN:**

- Xây dựng:* cơ cấu ngành CN linh hoạt, thích nghi cơ chế thị trường.
- Đẩy mạnh CN:* chế biến nông- lâm- thủy sản, hàng tiêu dùng, chế biến dầu khí
- Đổi mới:* trang thiết bị công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá sản phẩm

#### 2. Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ: phân hóa không đều, tập trung ở một số khu vực.



Các khu vực còn lại( vùng núi): công nghiệp p/triển chậm, phân bố rải rác.

#### **Nguyên nhân phân hóa lãnh thổ CN do:**

- Vị trí địa lý
- Tài nguyên thiên nhiên, csht
- Nguồn lao động tay nghề cao.

→ Giá trị sản xuất CN: cao nhất ở Đông Nam Bộ (50%), kể đến ĐBSH, ĐBSCL.

#### 3. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế

-Thay đổi sâu sắc từ đổi mới: phát triển nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần.

-Xu hướng : → Giảm tỉ trọng KV nhà nước

→ Tăng tỉ trọng KV ngoài nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài.